

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

| | |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| - Tên môn học: | NGOẠI NHI |
| - Bậc đào tạo | Đại học |
| - Mã môn học: | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ bản <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/> Học phần chuyên về kỹ năng | <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức khác <input type="checkbox"/> Học phần đồ án/ luận văn tốt nghiệp |
| - Số tín chỉ: | 2 tín chỉ (Lý thuyết: 01 TC, Thực hành: 01 TC) |
| + Số lý thuyết/ số buổi: | 15 tiết lý thuyết/ 5 buổi |
| + Số tiết thực hành/ số buổi: | 30 tiết thực hành / 2 tuần |
| - Học phần tiên quyết: | |

1. Mô tả môn học:

Môn học Ngoại Nhi cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng thực hành cơ bản để có thể chẩn đoán và điều trị được những bệnh ngoại phổ biến ở trẻ em trong cộng đồng, đặc biệt trong những trường hợp cấp cứu ngoại nhi; tiếp cận bước đầu trong chẩn đoán dị dạng bẩm sinh đường tiết niệu – sinh dục, tiêu hóa, ung bướu.

Ngoài ra môn học này còn huấn luyện cho sinh viên kỹ năng giao tiếp với trẻ em, thân nhân của trẻ và khả năng tham vấn các vấn đề y khoa cho gia đình và bệnh nhi. Giúp định hướng chuyên ngành sau đại học cho sinh viên y khoa năm thứ 5 sau khi tốt nghiệp bác sĩ đa khoa.

2. Nguồn học liệu

Giáo trình:

[1] Trương Nguyễn Uy Linh (2018). *Ngoại nhi lâm sàng*. TP Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Y học.

Tên tài liệu khác:

[2] Thomas D.F.M (2008). *Essential of Pediatric Urology*, 2nd edi. Informa healthcare.

[3] Holcomb G.W. (2014). *Ashcraft's pediatric surgery*, 6th edi.Sauders.

[4] Các tài liệu do giảng viên cung cấp.

Phần mềm hoặc công cụ hỗ trợ thực hành:

[5] Phần mềm y khoa UPTODATE.

3. Mục tiêu môn học

| Mục tiêu | Mô tả mục tiêu | Chuẩn đầu ra của CTĐT |
|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Kiến thức | <ol style="list-style-type: none">1. Vận dụng cơ chế bệnh sinh để chẩn đoán và xử trí bệnh lý ống phúc tinh mạc, tinh hoàn ẩn.2. Vận dụng cơ chế bệnh sinh để chẩn đoán và xử trí lồng ruột.3. Vận dụng những đặc điểm cơ bản của bệnh Hirschsprung, nang đường mật, thận nước để chẩn đoán và quyết định hướng xử trí.4. Phân tích được tiêu chuẩn chẩn đoán xác định bướu ác đặc ở trẻ em. | <p>C1.1. Áp dụng cơ sở khoa học về cấu trúc, phát triển, chức năng và mối quan hệ giữa các hệ cơ quan chính trong cơ thể bình thường vào khái niệm sức khỏe và bệnh tật.</p> <p>C1.3. Áp dụng các nguyên lý sinh lý bệnh vào bệnh tật và rối loạn.</p> <p>C1.7. Giải thích các biểu hiện lâm sàng, xét nghiệm, bệnh học và hình ảnh học của các bệnh thường gặp trong chăm sóc người bệnh.</p> <p>C1.12. Áp dụng phương pháp khoa học và nghiên cứu lâm sàng liên quan đến chăm sóc người bệnh.</p> |
| Kỹ năng | <ol style="list-style-type: none">5. Hỏi bệnh sử và khám được một trường hợp lồng ruột, viêm ruột thừa.6. Khám và phân biệt được các biểu hiện khác nhau của bệnh lý ống phúc tinh mạc.7. Khám được một trường hợp tinh hoàn ẩn.8. Thực hiện chính xác thủ thuật nong da quy đầu. | <p>C2.1. Khai thác được bệnh sử chính xác và đầy đủ bao gồm các hệ cơ quan, các vấn đề tinh thần và văn hóa, vận dụng vào chăm sóc toàn diện cho người bệnh.</p> <p>C2.2. Thực hiện việc thăm khám thực thể và tâm thần cho người bệnh.</p> |

| | | |
|---------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| | 9. Thực hiện chính xác thủ thuật nông hậu môn. | C2.3. Thực hiện được các thủ thuật lâm sàng thông thường. C2.4. Chọn lọc được các kỹ thuật thăm khám thực thể, các xét nghiệm sinh hóa, hình ảnh học và các xét nghiệm khác phù hợp, và lý giải được kết quả. |
| Thái độ | 10. Tôn trọng bệnh nhi và người giám hộ khi tiếp xúc, hỏi bệnh và thăm khám. 11. Thái độ “Trẻ em không phải là người lớn thu nhỏ” với những đặc điểm tâm lý và sinh lý riêng biệt. | C3.2. Thể hiện cách ứng xử đạo đức bao gồm: cảm thông, tôn trọng, trung thực, ủng hộ, bảo mật, trách nhiệm. C3.3. Thể hiện tính tin cậy, chính xác và trung thực trong tất cả các hoạt động nghề nghiệp. |

4. Đánh giá môn học

| Thành phần đánh giá | | Phương pháp lượng giá | Mục tiêu học phần | Tỷ lệ % |
|---------------------|---------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------|
| Lý thuyết | A1. Điểm giữa kỳ | MCQ pretest CBL | MT1-4 | 30% |
| | A2. Điểm cuối kỳ | MCQ | MT1-4 | 70% |
| | Điểm lý thuyết = (Điểm giữa kỳ x 0,3) + (Điểm cuối kỳ x 0,7) | | | |
| Thực hành | A1. Điểm giữa kỳ | - Điểm chuyên cần: chiếm 25% điểm giữa kỳ - Điểm hoàn thành chỉ tiêu lâm sàng: chiếm 25% điểm giữa kỳ - Điểm bệnh án: chiếm 50% điểm giữa kỳ | MT5-9 | 30% |
| | A2. Điểm cuối kỳ | - Mini-CEX (kỹ năng nông hậu môn hoặc nông da quy đầu), chiếm 50% điểm cuối kỳ - Hỏi thi lâm sàng theo bệnh án mẫu, chiếm 50% điểm cuối kỳ. | MT5-9 | 70% |
| | Điểm thực hành = (Điểm giữa kỳ x 0,3) + (Điểm cuối kỳ x 0,7) | | | |

CU THỂ NHƯ SAU:

Kiến thức:

| STT | Mục tiêu | Mức độ lượng giá | | | Tổng cộng (%) |
|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-----------|-----------|---------------|
| | | Nhớ | Hiểu | Áp dụng | |
| 1 | Vận dụng cơ chế bệnh sinh để chẩn đoán và xử trí bệnh lý ống phúc tinh mạc, tinh hoàn ẩn. | | 6 | 24 | 30 |
| 2 | Vận dụng cơ chế bệnh sinh để chẩn đoán và xử trí lồng ruột. | | 6 | 14 | 20 |
| 3 | Vận dụng những đặc điểm cơ bản của bệnh Hirschsprung, nang đường mật, thận nước để chẩn đoán và quyết định hướng xử trí. | | 8 | 22 | 30 |
| 4 | Phân tích được tiêu chuẩn chẩn đoán xác định bướu ác đặc ở trẻ em. | | 10 | 10 | 20 |
| Tổng cộng | | | 30 | 70 | 100% |

Lượng giá: - Giữa kỳ: 5 câu Pretest trước buổi học mỗi ca lâm sàng CBL

- Cuối kỳ: MCQ (30 câu, # 2-3 câu/1 tiết LT)

Điểm lý thuyết module = (Điểm giữa kỳ x 0,3) + (Điểm cuối kỳ x 0,7)

Kỹ năng:

| STT | Kỹ năng | Phương pháp lượng giá |
|-----|--------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|
| 1 | Hỏi bệnh sử và khám được một trường hợp lồng ruột, viêm ruột thừa. | Sinh viên được lượng giá theo bảng kiểm và thực hiện ngay trong giờ trực. |

| | | |
|---|--------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2 | Khám và phân biệt các biểu hiện khác nhau của bệnh lý ống phúc tinh mạc. | Sinh viên được lượng giá theo bảng kiểm và thực hiện ngay tại phòng khám ở cơ sở thực hành |
| 3 | Khám được một trường hợp tinh hoàn ẩn. | Sinh viên được lượng giá theo bảng kiểm và thực hiện ngay tại phòng khám ở cơ sở thực hành |
| 4 | Thực hiện chính xác thủ thuật nong da quy đầu. | Sinh viên được lượng giá theo bảng kiểm và tiến hành trên mô hình tại phòng bộ môn BV Nhi đồng 1. |
| 5 | Thực hiện chính xác thủ thuật nong hậu môn. | Sinh viên được lượng giá theo bảng kiểm và tiến hành trên mô hình tại phòng bộ môn BV Nhi đồng 1. |

Lượng giá: - Giữa kỳ: Điểm đánh giá của Giảng viên và Bác sĩ nội trú (chuyên cần, hoàn thành chỉ tiêu và bệnh án) gồm:

- Điểm chuyên cần: chiếm 25% điểm giữa kỳ
- Điểm hoàn thành chỉ tiêu lâm sàng: chiếm 25% điểm giữa kỳ
- Điểm bệnh án: chiếm 50% điểm giữa kỳ

- Cuối kỳ: bao gồm 2 đánh giá

- Mini-CEX (kỹ năng nong hậu môn hoặc nong da quy đầu), chiếm 50% điểm cuối kỳ
- Hỏi thi lâm sàng theo bệnh án mẫu, chiếm 50% điểm cuối kỳ.

Điểm thực hành module = (Điểm giữa kỳ x 0,3) + (Điểm cuối kỳ x 0,7).

5. Nội dung và phương pháp giảng dạy:

Thời gian: 2 tuần

Địa điểm: Khoa Ngoại Tổng Hợp, Khoa Ngoại Thận-Tiết Niệu và Khoa Điều trị trong ngày Bệnh viện Nhi Đồng 1.

Lý thuyết:

| STT | TÊN BÀI GIẢNG | SỐ TIẾT | TÊN GIẢNG VIÊN | PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY |
|-----|------------------------------------|---------|-----------------|----------------------------|
| 1. | Lồng ruột Ca lâm sàng lồng ruột | 2 | ThS. Vũ Đức Duy | Bài lý thuyết (ppt) CBL |

| STT | TÊN BÀI GIẢNG | SỐ TIẾT | TÊN GIẢNG VIÊN | PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY |
|-----|---------------|---------|---------------------|-----------------------|
| | | | ThS. Phạm Quốc Tùng | |

| | | | | |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|--------------------------------------------------|--------------------------------|
| 2. | Bệnh lý ống phúc tinh mạc + Tinh hoàn ẩn Ca lâm sàng bệnh lý ống phúc tinh mạc + Tinh hoàn ẩn | 2 | ThS. Nguyễn Thị Trúc Linh ThS. Vũ Đức Duy | Bài lý thuyết (ppt) CBL |
| 3. | Phình đại tràng do vô hạch bẩm sinh (bệnh Hirschsprung) Ca lâm sàng phình đại tràng do vô hạch bẩm sinh (bệnh Hirschsprung) | 3 | ThS. Nguyễn Thị Bích Uyên ThS. Phạm Quốc Tùng | Bài lý thuyết (ppt) CBL |
| 4. | Nang đường mật Ca lâm sàng nang đường mật | 3 | PGS.TS. Trương Nguyễn Uy Linh ThS. Vũ Đức Duy | Bài lý thuyết (ppt) CBL |
| 5. | Thận nước do hẹp khúc nối bể thận-niệu quản Ca lâm sàng thận nước do hẹp khúc nối bể thận-niệu quản | 2 | PGS.TS. Lê Tấn Sơn ThS. Lê Nguyễn Yên | Bài lý thuyết (ppt) CBL |
| 6. | Đại cương ung bướu nhi Ca lâm sàng bướu đặc ở trẻ em | 3 | TS. Trương Đình Khải ThS. Hồ Trần Bản | Bài lý thuyết (ppt) CBL |
| | Tổng số tiết lý thuyết | 15 | | |

Thực hành:

| STT | Hoạt động học tập (của sinh viên) | Hoạt động giảng dạy (của giảng viên) |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|
| 1 | Hướng dẫn khám bệnh lý ống phúc tinh mạc | Giảng dạy tại giường |
| 2 | Hướng dẫn khám tinh hoàn ẩn. | Giảng dạy tại giường |
| 3 | Hướng dẫn khám và chẩn đoán một trường hợp lồng ruột ở trẻ em, viêm ruột thừa. | Giảng dạy tại giường |

| | | |
|---|------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|
| 4 | Trình bệnh án hoàn chỉnh một trường hợp nang ống mật chủ | Bình bệnh án |
| 5 | Trình bệnh án hoàn chỉnh một trường hợp bệnh Hirschsprung | Bình bệnh án |
| 6 | Trình một bệnh án hoàn chỉnh về một trường hợp bướng bụng trẻ em | Bình bệnh án |
| 7 | Hướng dẫn nông đa quy đầu, nông hậu môn | Hướng dẫn thực hành trên mô hình với checklist |

PHÂN BỐ LỊCH GIẢNG DẠY LÝ THUYẾT VÀ THỰC HÀNH

TUẦN 1

| | | Thứ 2 | Thứ 3 | Thứ 4 | Thứ 5 | Thứ 6 |
|-------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| SÁNG | 7:00-9:00 | - Giới thiệu về module ngoại nhi lâm sàng. - Tiến hành chia sinh viên làm 3 nhóm: khoa Ngoại Thận-Tiết niệu, khoa Ngoại tổng hợp, khoa Điều trị trong ngày | Hướng dẫn sinh viên khám bệnh phòng cùng với giảng viên tại khoa | Hướng dẫn sinh viên khám bệnh phòng cùng với giảng viên tại khoa | Hướng dẫn sinh viên khám bệnh phòng cùng với giảng viên tại khoa | Sau 3 ngày sẽ đổi nhóm (từ thứ 2 đầu tiên, còn 9 ngày thực hành trọn buổi sáng) |
| | 9:00 - 11:00 | Hướng dẫn 2 kỹ năng: nông hậu môn, nông đa quy đầu | Sinh viên kiến tập tại theo từng nhóm: phòng mổ Ngoại tổng hợp, phòng mổ Ngoại Thận-Tiết niệu và phòng mổ tại khoa Điều trị trong ngày | Sinh viên kiến tập tại theo từng nhóm: phòng mổ Ngoại tổng hợp, phòng mổ Ngoại Thận-Tiết niệu và phòng mổ tại khoa Điều trị trong ngày | Sinh viên kiến tập tại theo từng nhóm: phòng mổ Ngoại tổng hợp, phòng mổ Ngoại Thận-Tiết niệu và phòng mổ tại khoa Điều trị trong ngày | Sinh viên kiến tập tại theo từng nhóm: phòng mổ Ngoại tổng hợp, phòng mổ Ngoại Thận-Tiết niệu và phòng mổ tại khoa Điều trị trong ngày |
| CHIỀU | 13:30-14:30 | Lồng ruột (dạy tập trung tại phòng bộ môn ở cơ sở thực hành: BV Nhi đồng 1) | Tự học | Bệnh lý ống phúc tinh mạc, Tinh hoàn ẩn | Tự học | Đại cương ung bướu nhi |
| | 14:45-16:00 | Hướng dẫn khám và chẩn đoán một trường hợp lồng | | Thận nước do hẹp khúc nối bể thận niệu quản | | Trình bệnh án hoàn chỉnh một trường hợp |

| | | | | | | |
|----------|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|---------------------|
| | | ruột ở trẻ em tại phòng cấp cứu khoa Ngoại tổng hợp | | | | bước ác đặc trẻ em. |
| TRỰC ĐÊM | 19:00-7:00 | Tiếp cận, khám, hướng xử trí, kiến tập một trường hợp tháo lồng băng hơi, một trường hợp đau bụng cấp (viêm ruột thừa...) Làm bệnh án tóm tắt để chuẩn bị trình trong trường hợp Giảng viên yêu cầu Hỗ trợ bác sĩ trực khám và hoàn thành hồ sơ bệnh án, không kí tên. Phụ mổ nếu có khả năng và được cho phép. | | | | |

TUẦN 2

| | | Thứ 2 | Thứ 3 | Thứ 4 | Thứ 5 | Thứ 6 |
|----------|--------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| SÁNG | 7:00-9:00 | Hướng dẫn sinh viên khám bệnh phòng cùng với giảng viên tại khoa | Hướng dẫn sinh viên khám bệnh phòng cùng với giảng viên tại khoa | Đổi nhóm: Hướng dẫn sinh viên khám bệnh phòng cùng với giảng viên tại khoa | Hướng dẫn sinh viên khám bệnh phòng cùng với giảng viên tại khoa | Hướng dẫn sinh viên khám bệnh phòng cùng với giảng viên tại khoa |
| | 9:00-11:30 | Sinh viên kiến tập tại theo từng nhóm: phòng mổ Ngoại tổng hợp, phòng mổ Ngoại Thận-Tiết niệu và phòng mổ tại khoa Điều trị trong ngày | Sinh viên kiến tập tại theo từng nhóm: phòng mổ Ngoại tổng hợp, phòng mổ Ngoại Thận-Tiết niệu và phòng mổ tại khoa Điều trị trong ngày | Sinh viên kiến tập tại theo từng nhóm: phòng mổ Ngoại tổng hợp, phòng mổ Ngoại Thận-Tiết niệu và phòng mổ tại khoa Điều trị trong ngày | Sinh viên kiến tập tại theo từng nhóm: phòng mổ Ngoại tổng hợp, phòng mổ Ngoại Thận-Tiết niệu và phòng mổ tại khoa Điều trị trong ngày | Thi lâm sàng - Hội thi lâm sàng theo bệnh án mẫu. - Mini-CEX (nong hậu môn, nong da quy đầu). |
| CHIỀU | 13:30-14:30 | Bệnh Hirschsprung. | Tự học | Nang đường mật | Tự học | Thi lý thuyết (MCQ) |
| | 14:45-16:00 | Trình bệnh án hoàn chỉnh bệnh Hirschsprung. | | Trình bệnh án hoàn chỉnh Nang đường mật | | |
| TRỰC ĐÊM | 19:00 – 7:00 | Tiếp cận, khám, hướng xử trí, kiến tập một trường hợp tháo lồng băng hơi, một trường hợp đau bụng cấp (viêm ruột thừa...) Làm bệnh án tóm tắt để chuẩn bị trình trong trường hợp Giảng viên yêu cầu Hỗ trợ bác sĩ trực khám và hoàn thành hồ sơ bệnh án, không kí tên. Phụ mổ nếu có khả năng và được cho phép. | | | | |

6. Quy định của môn học

a) Thi lần 1:

Lý thuyết:

- *Đủ điều kiện dự thi:* Không vắng quá 20% thời lượng học ca CBL.
- **ĐẠT:** khi Điểm lý thuyết module ≥ 4

Thực hành:

- *Đủ điều kiện dự thi:* Không vắng không phép quá 10% thời lượng thực hành.
 - 1 đơn vị Thời lượng thực hành = 1 buổi sáng/ 1 buổi chiều/ 1 đêm trực (không tính giờ tự học của sinh viên)
 - Vắng 2 buổi có phép = 01 buổi không phép.
 - Vắng có phép: khi có giấy tờ xác nhận hợp lệ (không tính đơn xin phép)
 - Trường hợp Vắng có phép, Sinh viên có thể đi trực bù để thay cho buổi vắng thực tập ban ngày, nhưng không được hơn 2 đêm trực trong 1 tuần.
- **ĐẠT:** khi Điểm cuối kỳ ≥ 4 và Điểm thực hành module ≥ 4

b) Thi lần 2: trong cùng năm học

Lý thuyết:

- *Đối tượng:* một trong ba trường hợp sau:
 - (1) Đã thi lần 1 nhưng không đạt.
 - (2) HOẶC học đủ thời lượng nhưng không dự thi lần 1.
 - (3) HOẶC bị cấm thi do vắng > 20% thời lượng học CBL
- *Đủ điều kiện dự thi khi*
 - Là nhóm (1) hay (2)
 - Đối với nhóm (3): phải học trả nợ các bài CBL đã vắng.
- **ĐẠT:** khi Điểm lý thuyết module ≥ 4

Thực hành:

- *Đối tượng:*
 - (1) Đã thi lần 1 nhưng không đạt
 - (2) Bị cấm thi do vắng hơn 10% thời lượng thực hành
 - *Đủ điều kiện dự thi:*
 - Là nhóm (1)
 - Đối với nhóm (2): Phải thực hành lại đủ 50% thời lượng thực hành của module
 - **ĐẠT:** khi Điểm cuối kỳ ≥ 4 và Điểm thực hành module ≥ 4
- c) Thi lần 3:** thi ở các năm sau

Lý thuyết:

- *Đối tượng:*

- (1) Thi lý thuyết không đạt 2 lần
- (2) HOẶC không đạt lần 1 và không thi lần 2

- *Đủ điều kiện dự thi:*

- Đã học đủ thời lượng lý thuyết yêu cầu của module.

(Học lại lý thuyết và thi lại)

- **ĐẠT:** khi Điểm lý thuyết module ≥ 4

Thực hành:

- *Đối tượng:*

- (1) Thi thực hành không đạt 2 lần
- (2) HOẶC không đạt lần 1 và không thi lần 2

- *Đủ điều kiện dự thi:*

- Đã thực tập đủ thời lượng thực hành yêu cầu của module.

(Thực tập lại hết và thi lại)

- **ĐẠT:** khi Điểm cuối kỳ ≥ 4 và Điểm thực hành module ≥ 4

7. Phụ trách môn học

Bộ môn: Ngoại Nhi

Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngoại Nhi, Lầu 5 (Đại học Y dược TP. Hồ Chí Minh), 217 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Giảng viên tham gia giảng dạy:

| TT | Họ và tên | Cơ quan công tác | Email | ĐT liên lạc |
|----|-------------------------------|----------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1. | PGS.TS. Trương Nguyễn Uy Linh | Bộ môn Ngoại Nhi – Khoa Y – Đại học Y Dược TP. HCM | uylinhbs@ump.edu.vn | 0909500579 |
| 2. | PGS.TS. Lê Tấn Sơn | Bộ môn Ngoại Nhi – Khoa Y – Đại học Y Dược TP. HCM | letanson54@ump.edu.vn | 0903654682 |
| 3. | TS. Trương Đình Khải | Bộ môn Ngoại Nhi – Khoa Y – Đại học Y Dược TP. HCM | doctorkhai2014@ump.edu.vn | 0903748064 |
| 4. | ThS. Hồ Trần Bản | Bộ môn Ngoại Nhi – Khoa Y – Đại học Y Dược TP. HCM | hotranban@ump.edu.vn | 0989037074 |

| | | | | |
|----|---------------------------|----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|------------|
| 5. | ThS. Nguyễn Thị Trúc Linh | Bộ môn Ngoại Nhi – Khoa Y – Đại học Y Dược TP. HCM | bstruclinh@ump.edu.vn | 0916495099 |
| 6. | ThS. Nguyễn Thị Bích Uyên | Bộ môn Ngoại Nhi – Khoa Y – Đại học Y Dược TP. HCM | nguyenbudhyd@ump.edu.vn | 0984746248 |
| 7. | ThS. Lê Nguyễn Yên | Bộ môn Ngoại Nhi – Khoa Y – Đại học Y Dược TP. HCM | bsnguyenyen@ump.edu.vn | 0908824867 |
| 8. | ThS. Vũ Đức Duy | Bộ môn Ngoại Nhi – Khoa Y – Đại học Y Dược TP. HCM | dr.vuduy91@ump.edu.vn | 0908882942 |
| 9. | ThS. Phạm Quốc Tùng | Bộ môn Ngoại Nhi – Khoa Y – Đại học Y Dược TP. HCM | pqtung@ump.edu.vn | 0941889714 |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2020

Trưởng bộ môn

PGS. TS. Trương Nguyễn Uy Linh